

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 48/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 09/9/2023

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Vũ Thị Luyến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bận và ông Nguyễn Trường Ca

- *Thư ký ghi biên bản phiên toà:* Ông Đinh Quốc Cường – Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh tham gia phiên toà:*
Bà Đỗ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở, Toà án nhân dân thành phố Chí Linh mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 241/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2023, Thông báo về thay đổi thời gian mở phiên tòa số 10/2023/TB-TA ngày 31 tháng 8 năm 2023, giữa:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Văn H, sinh năm 1986;

- *Bị đơn:* Chị Lục Thị T, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Thôn C, xã B, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Anh H, chị T đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Trần Văn H trình bày: Anh và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 03/11/2010 tại UBND xã B, thị xã C (Nay là thành phố C), tỉnh Hải Dương. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc khoảng 03 tháng thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm. Ngoài ra, chị T là người không chung thủy, thường xuyên nhắn tin với người khác giới, nói dối anh để đi chơi thâu đêm không về nhà mà không nói rõ lý do. Vợ

chồng chung sống cùng nhà nhưng không quan tâm, chia sẻ, không nói chuyện với nhau, không bảo ban được với nhau trong việc xây dựng kinh tế gia đình, chị T không đóng góp cùng anh để nuôi con. Nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi cọ, lời qua tiếng lại. Vợ chồng ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Thị N, sinh ngày 05/12/2011 và Trần Việt C, sinh ngày 12/02/2014. Anh H có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 02 con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Lục Thị T trình bày: Chị và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 03/11/2010 tại UBND xã B, thị xã C (Nay là thành phố C), tỉnh Hải Dương. Vợ chồng chung sống với nhau ban đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng không hợp nhau, không tin tưởng nhau dẫn đến nghi ngờ nhau có quan hệ ngoại tình, cãi nhau nhiều lần, có lần anh H đã đánh chị phải đi viện điều trị. Vợ chồng ở chung nhà nhưng không quan tâm tới nhau, không chung kinh tế. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh H ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Thị N, sinh ngày 05/12/2011 và Trần Việt C, sinh ngày 12/02/2014. Anh H có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 02 con chung, không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con cùng anh thì chị đồng ý.

Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải và ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07/8/2023 giữa anh H và chị T, nội dung: Anh H và chị T thuận tình ly hôn; về con chung: Giao cả 02 con chung cho anh H chăm sóc nuôi dưỡng kể từ tháng 8/2023 đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác, anh H tự nguyện không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh; về quan hệ tài sản: Anh và chị tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về án phí: Anh H tự nguyện chịu cả án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/8/2023, chị T thay đổi quan điểm tại buổi làm việc ngày 07/8/2023, không đồng ý ly hôn với anh H, đề nghị Tòa án không ban hành Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, với lý do anh H không đồng ý chia tài sản cho chị, nên chị cũng không đồng ý ly hôn đối với anh H, còn thực tế vợ chồng không còn tình cảm và không còn quan tâm tới nhau. Chị đề nghị

Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, không đề nghị chia tài sản chung vợ chồng trong vụ án này, khi nào có điều kiện và thời gian chị sẽ yêu cầu giải quyết sau. Do chị T thay đổi quan điểm, nên Tòa án không ban hành Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự.

Cháu Trần Thị N và cháu Trần Việt C đều trình bày: Nếu bố mẹ các cháu không ở được với nhau thì các cháu xin ở với bố.

Ông Trần Văn B trình bày: Ông là bố đẻ của anh H, còn chị T là vợ anh H, tức là con dâu. Quá trình vợ chồng anh H, chị T chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn. Do anh chị không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, chị T không chung thủy có quan hệ bất chính với người đàn ông khác, thường xuyên đi đêm không rõ lý do, không quan tâm tới chồng, con, vợ chồng chung sống nhưng không nói chuyện với nhau, không quan tâm tới nhau, kinh tế của ai người đó giữ. Gia đình đã khuyên bảo nhưng đều không có kết quả. Nay anh H có đơn ly hôn chị T thì đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh H. Vợ chồng anh H, chị T có 02 con chung là cháu C và N. Nay anh H có nguyện vọng nuôi dưỡng cả 02 con thì ông đồng ý giúp đỡ anh H trong việc chăm sóc, nuôi dạy con và đưa đón các cháu đi học.

Xác minh tại Trưởng thôn C, xã B: Anh H, chị T là vợ chồng hợp pháp, thường trú tại thôn C, xã B. Vợ chồng anh H, chị T chung sống với nhau phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, không hoà hợp tính cách. Mặt khác, vợ chồng anh chị có dấu hiệu ngoại tình và không còn quan tâm tới nhau trong cuộc sống hàng ngày. Đại diện cho thôn đã nhiều lần động viên anh H, chị T hàn gắn tình cảm cùng nuôi dạy con, nhưng đều không thể hòa hợp được. Nay anh H có đơn ly hôn chị T thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh H là hộ có thu nhập cao, anh H mới đi xuất khẩu lao động về, mức độ cuộc sống thuộc diện tốt, nhà cửa anh H mới xây, khang trang đầy đủ đảm bảo cho cả gia đình ở và sinh hoạt.

Tại phiên toà sơ thẩm:

Anh H, chị T đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh trình bày việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên toà chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều

147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trần Văn H ly hôn chị Lục Thị T; Về con chung: Giao cho anh Trần Văn H tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung là Trần Thị N, sinh ngày 05/12/2011 và Trần Việt C, sinh ngày 12/02/2014 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Anh H tự nguyện không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Chị T được quyền, nghĩa vụ trông nom chăm sóc con chung không ai được cản trở; Về tài sản: Không giải quyết; Án phí: Anh Trần Văn H phải chịu 300.000đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn và bị đơn chị T có hộ khẩu thường trú tại Chín T – B – C – Hải Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên toà, anh H, chị T vắng mặt lần thứ nhất, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt anh H, chị T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn H và chị Lục Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 03/11/2010 tại UBND xã B, thị xã C (Nay là thành phố C), tỉnh Hải Dương, xác nhận hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình vợ chồng chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, nghi ngờ nhau có quan hệ bất chính với người khác giới, mặc dù ở chung cùng nhà nhưng không nói chuyện với nhau, không quan tâm chăm sóc tới nhau, kinh tế độc lập, đã ly thân. Anh H và chị T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau được nữa. Quá trình giải quyết, anh H và chị T đều thống nhất ly hôn, anh H nuôi dưỡng cả 02 con, không yêu cầu giải quyết về tài sản, nhưng sau đó chị T thay đổi ý kiến, không đồng ý ly hôn với anh H vì hai bên không thỏa thuận được với nhau về phân chia tài sản. HXXX xét thấy, mâu thuẫn của anh H, chị T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đã ly thân, anh H, chị T đều xác định không còn tình cảm với nhau, lý do chị T không đồng ý ly hôn vì không phân chia được tài sản, không phải lý do để xác định chị T muốn níu giữ, đoàn tụ, nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia

đình, xử cho anh H ly hôn chị T.

[3] Về quan hệ con chung: Anh H và chị T có 02 con chung là Trần Thị N, sinh ngày 05/12/2011 và Trần Việt C, sinh ngày 12/02/2014. Quá trình giải quyết vụ án, anh H và chị T đều thống nhất giao cả 02 con chung cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 8/2023 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi và anh H tự nguyện không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh, và các con chung đều có nguyện vọng ở với anh H, nên chấp nhận sự thỏa thuận của anh H, chị T.

[4] Về quan hệ tài sản: Anh H và chị T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết.

[5] Về án phí: Anh H tự nguyện chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trần Văn H ly hôn chị Lục Thị T.

2. Về con chung: Giao cho anh Trần Văn H tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung là Trần Thị N, sinh ngày 05/12/2011 và Trần Việt C, sinh ngày 12/02/2014 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Anh H tự nguyện không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Chị T được quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Không giải quyết.

4. Án phí: Anh Trần Văn H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được đối trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Chí Linh theo biên lai số AA/2022/0000510 ngày 05 tháng 7 năm 2023. Anh H đã thi hành xong.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Chí Linh;
- Đường sự;
- UBND xã B (Lưu hộ tịch);
- Chi cục THADS TP. Chí Linh;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Vũ Thị Luyện